

# Trang Nhà Quảng Đức



## Mật Tông

Mật Tạng Bộ.3\_ No.1068 ( Tr.138\_ Tr.139 )

## TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH

( Vasudhàrà dhàraṇi sùtra )

*Hán dịch* : Đồi Đường\_ Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng  
chiếu dịch

*Việt dịch* : HUYỀN THANH

### MỤC LỤC

- 1\_ Thay lời tựa (Tr.01)
- 2\_ Trì Thế Đà La Ni Kinh (Tr.05)
- 3\_ Phật Thuyết Vô Bảo Đà La Ni Kinh (Tr.09)
- 4\_ Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh (Tr.15)
- 5\_ Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh (Tr.24)
- 6\_ Vasudhàra Dhàraṇi (Tr.31)

### THAY LỜI TỰA

Trì Thế Bồ Tát có tên Phạm là Àrya Sutàre (Thánh Thiện Cứu Độ) hay Sudhàre (Thiện Trì), Dhàralokajvala (Trì Thế Quang Minh), nhưng trong các Kinh bản thì thường dùng tên gọi là Vasudhàra hoặc Vasudhàri (Danh xưng này tương đương với các vị Thần Đất hay bảo vệ mùa màng thuộc truyền thống Ấn Độ)

**Trì Thế** có nghĩa là :Tiêu diệt hết thủy tai họa bệnh tật của Chúng Sinh. Vì kẻ bần cùng liền tuôn mưa tất cả loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch... khiến cho họ thọ nhận các sự vui thích, an ổn, giàu có. Do Tôn này hay hộ trì Thế Gian nên được gọi là Trì Thế .

Có thuyết cho rằng Trì Thế Bồ Tát (Dhàralokajvala Bodhisatva) là hóa thân của Bảo Sinh Như Lai (Ratnasambhava Tathàgata) . Hoặc cho rằng Trì Thế là một Tôn trong Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya).

\_ Tôn Tượng của Trì Thế Bồ Tát được ghi nhận là:



Thân hình và dung mạo có màu xanh, màu vàng. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, thân đeo mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyên, các vật trang nghiêm. Tay phải cầm quả Phả La (Trái Thạch Lựu) , tay trái tác thế Dũ Nguyệt . Tượng có 4 đầu, khuôn mặt chính mỉm cười theo thế xem xét Chú Sư. Bên dưới tòa sen có hai vị Long Vương (Nàgaràja) :Một vị dùng tay nâng cái hộp báu, một vị cầm cái bình báu. Hai vị Long Vương ấy đều có thân người và ngâm nửa mình trong nước, trên đầu có một đầu Long Xà đeo viên ngọc báu.

Bên phải Tượng là vị Trời **Đại Thắng Thiên** (Mahà Jaya Deva) có một tay cầm hoa sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng , hai bên có hai vị Thiên Tiên tuôn mưa 7 báu tràn đầy trong hư không.

Bên trái của tượng Trì Thế là cái tháp Suất Đổ Ba (Stùpa)

Bên trên Đại Thắng Thiên có một Thiên Nhân cầm viên ngọc báu chấp tay hướng về Đại Thắng Thiên

\_ Hoặc ghi nhận Tôn Tượng là:



Thân hình màu vàng, một mặt hai tay: Tay phải cầm trái Thạch Lựu, tay trái tác thế Thí Vô Úy. Ngồi Kiết Già trên tòa sen, đầu đội mào, thân khoác áo lụa mỏng, trang sức bằng mọi thứ anh lạc vòng xuyên châu báu...

\_ Theo truyền thống Hoa Văn: **Trì Thế Đà La Ni Pháp** còn được gọi là **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**. Đây là Pháp tu cầu về Phước Đức, rất có lợi ích cho người tu tại gia. Pháp này được thành lập từ 4 bản Kinh:

1\_ **Trì Thế Đà La Ni Kinh** (Vasudhàrà dhàraṇi sutra) do Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG dịch thuật vào đời Đường

2\_ **Phật Thuyết Vũ Bảo Đà La Ni Kinh** do ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG dịch vào đời Đường.

Hai bản Kinh này là hai bản dịch khác nhau của cùng một bản, chỉ sai khác về bài Chú dài ngắn (2 bản Chú bằng chữ Tất Đản đều được ghi nhận trong Đại Chính Tạng, sách 20, trang 669). Ngoài ra bản dịch của ngài BẤT KHÔNG có ghi thêm 3 câu Chân Ngôn của Trì Thế Bồ Tát mà bản dịch của ngài HUYỀN TRANG không có.

3\_ **Phật Thuyết Đại Thừa Thánh Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài PHÁP THIÊN dịch vào đời Tống.

4\_ **Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh** do ngài THI HỘ dịch vào đời Tống

Hệ thống Mật Giáo dựa vào 4 bản dịch này mà thành lập **Bản Tôn** của Pháp tu này là Trì Thế Bồ Tát hoặc Bảo Sinh Như Lai. Ngài NGHĨA TỊNH đã biên soạn thêm bộ **Trì Thế Đà La Ni Biệt Hạnh Công Năng Pháp**.

\_ Trì Thế Bồ Tát có chủng tử là chữ DA (唎) mang nghĩa “*Thí Dữ* (ban cho) *bất khả đắc*” biểu thị cho việc *ban bố mọi thứ trân bảo cho chúng sinh*

\_ Tam Ma Gia Hình của Ngài là quả **Phả La** tức là trái Thạch Lựu . Đây là loại trái cây chứa đầy hạt bên trong nên được biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích** . Do đó Thế của nó giống như viên ngọc báu.

\_ **Ấn Căn Bản** của Trì Thế Bồ Tát là: Đem ngón vô danh vịn vào ngón trỏ của ngón cái, lại đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh (hai tay như nhau). Cùng hợp cổ tay, đem hai ngón út cài buộc dính trên lưng ngón giữa của ngón giữa sao cho đầu hai ngón giữa dính nhau, kèm cứng song song hai ngón cái và hai ngón trỏ.

Chân Ngôn của Ấn trên là:

**Căn Bản Chú :**

OM VASUDHÀRI SVÀHÀ

**Tâm Chân Ngôn:**

OM 'SRÌ VASU SVÀHÀ

**Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :**

OM VASU SVÀHÀ

\_ Ngày bắt đầu tu hành thì có các thời gian sau:

**Biệt Hạnh Pháp** ghi là: Bắt đầu từ ngày mồng một của tháng ba

Lại ghi rằng: Bắt đầu tu hành từ ngày 14 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) cho đến hết ngày 15 thì xong

Hoặc bắt đầu từ ngày mồng 8 cho đến hết ngày 15 thì xong

\_ Về phương hướng thì quay mặt hướng về mặt trời mà tụng Chú.

Lại ghi là: Trước Tháp Xá Lợi , an trí Tượng hướng mặt về phương Tây. Chú Sư ngồi trước Tượng và hướng về mặt Tượng (tức là Chú Sư hướng mặt về phương Đông)

\_ Bài **Tán Thán** Bồ Tát là:

KAMALA MUKHE

KAMALA LOCANA

KAMALÀSANA

KAMALA HASTA

KAMALA BHAMUNI

KAMALA KAMALASAMBHAVA

KAMALA KṢARA

NAMOSTUTE

Kinh ghi: *“Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đại Đà La Ni Kinh như vậy bảy ngày đêm không gián đoạn thì chư Thiên, Long Thần đều sinh vui vẻ, âm thầm đến tuôn mưa tài bảo lúa gạo. Diệt trừ hết thầy bệnh dịch, nạn đói khát và diệt trừ tất cả tội chướng. Tất cả hiểm họa đều được an ninh, tăng dần Phước Tuệ, mông cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề”*

Một số Kinh bản khác thì ghi nhận Chân Ngôn của Trì Thế là:

.) Địa Thiên Pháp Ấn Chú:

OM VASUDHÀRI DHÀNADÀYA PRABHARATNI SVÀHÀ

( Nếu thường tụng Chú này , cúng dường **Địa Thiên** (Pṛthivi Devi) sẽ được các thứ trân bảo)

.) Riêng Ấn Độ thì lưu truyền câu Chú là:

OM 'SRÌ VASUDHÀRA RATNA NIDHÀNA KASHETRI SVÀHÀ

Nay dựa theo Kinh Tạng , tôi xin phiên dịch lại 4 Kinh bản trên với mục đích giúp cho người đang tìm hiểu Mật Giáo có tài liệu nghiên cứu. Trong phần dịch thuật, tôi phối hợp hai

bản Tắt Đèn của ngài HUYỀN TRANG và ngài BẮT KHÔNG để tái tạo lại bài Phạn Chú của Bồ Tát Trì Thế kèm theo nghĩa thú cơ bản. Ngoài ra tôi chèn thêm một số văn tự Tắt Đèn vào các Kinh bản nhằm giúp cho người đọc dễ tham khảo. Lẽ tất nhiên, công việc này còn nhiều khiếm khuyết nên tôi chân thành cầu xin các bậc Đại Đức, chư vị Long Tượng của Mật Giáo hãy rủ lòng Từ Bi giúp cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Pháp Quang**, Thầy **Thích Quảng Trí** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Đầu mùa Đông năm Bính Tuất (2006)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH  
( Vasudhàrà dhàraṇi sùtra )

*Hán dịch : Đời Đường\_ Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng chiếu dịch*

*Việt dịch : HUYỀN THANH*

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm ( Bhagavam\_ Thế Tôn ) ngự tại rừng Kiến Lịch Ca ( Kaṇṭaka ) thuộc nước Kiều Thượng Di ( Kau'sambi ) cùng với 500 người thuộc chúng Đại Bất Sô, câu đê số Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự cùng với vô lượng Đại Chúng thuộc nhóm chư Thiên, Người, A Tố Lạc... trước sau vây quanh.

Lúc đó, trong nước ấy có vị Trưởng Lão tên là Diệu Nguyệt ( Sucandra ) Ngài có dung mạo, phong cách ôn hòa, chí nguyện cao xa cùng với rất nhiều tôi tớ nam nữ tin kính Phật Pháp Tăng rất thâm sâu ... đi đến nơi Phật ngự cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Phật , nhiễu quanh trăm vòng, quay về trụ một bên rồi chắp tay cung kính bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Con có chút điều nghi ngờ, muốn hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nguyện xin Đức Từ Bi hãy rủ lòng thương mà nghe hứa cho "

Bấy giờ Đức Thế Tôn cảm thương cho Trưởng Giả nên dùng ngôn âm hiền từ nhẹ nhàng mà bảo rằng : " Này Trưởng Giả ! Ý ông đã muốn hỏi. Ta sẽ vì ông , dùng phương tiện phân biệt để cho Tâm ông được vui "

Khi ấy Trưởng Giả hớn hởi vui mừng, cúi đầu làm lễ rồi chắp tay thỉnh rằng : " Thế Tôn ! Làm thế nào khiến cho kẻ trai làng, người nữ thiện , các người nghèo hèn có thể được phú quý ? Các kẻ có bệnh được khỏi bệnh ? Các kẻ có tội được diệt tội ? Các kẻ bị nguy hiểm sợ hãi được an vui ? "

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã hay biết rồi nên hỏi rằng : " Này Trưởng Giả ! Vì duyên cơ nào mà ông hỏi như vậy ? "

Thời Trưởng Giả lại bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyền thuộc, tiền bạc lại ít ỏi nên khó có thể chi dùng đầy đủ. Lại có nhiều bệnh tật, tội lỗi , đầy dẫy sự nguy hiểm lo sợ. Vì thế con thỉnh Đức Thế Tôn hãy mở phương tiện khiến cho kẻ nghèo hèn được tài vị lớn để cung cấp cho quyền thuộc rộng tu nhân ái bố thí, nhiều ích cho tất cả. Thương khổ không cùng tận khiến cho kẻ có bệnh được Khang Hòa Bốn Đại, siêng tu nghiệp lành mà thân tâm không mệt mỏi. Khiến cho kẻ có tội mau trừ diệt được tội. Sau khi thân nát mệnh hết được sinh vào nẻo lành. Khiến cho kẻ bị hiểm nguy lo sợ được an vui thân tâm , gần gũi cúng dường ba Báu Phật Pháp Tăng, mau chóng chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề "

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Giả rằng : " Này Thiện Nam Tử ! Vào vô số kiếp ở quá khứ, Ta gặp Đức Thế Tôn tên là **Trì Kim Cương Hải Âm** (Vajradhàra sàgara Nirghoṣa ) Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác Minh Hạnh viên mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Bạc Già Phạm. Ngài vì muốn lợi cho các Hữu Tình mà nói Đà La Ni tên là **Trì Thế**.

Lúc Ta nghe xong liền vui mừng hớn hởi thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác nói nhằm đem sự lợi ích an vui cho vô lượng Hữu Tình. Do Nhân duyên đó mà tăng trưởng Phước Tuệ, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề, vì các Trời Người nói Pháp vi diệu.

Nay Ta vì ông nói Đà La Ni này. Các hàng Trời Người... các ông đều nên lắng nghe ! Nghe xong hãy thọ trì, rộng vì người khác nói, Sức của Thần Chú này chẳng thể luận bàn khiến cho các Hữu Tình đều được lợi lạc.Đà La Ni là :

**Đát Diệt Tha : Tô lô bế, bạt đạt la phiệt đề, măng yết lệ, át chiết lệ, át triệp bát lệ, yết già triết ni, yết tử đạt ni, tát tả phạt đề, đà ná phạt đề, đạt na phạt đề, thất lợi mạt đề, bát lạp bà phạt đề, âm mạt lệ, tỳ mạt lệ, lô lô, tô lũ ba tỳ mạt lệ, át nại nại tất đế, tỳ trở tất đế, tỳ thấp phộc hệ, thủy anh củ lệ, mang củ lệ, tỳ tỳ mê, đồ đồ mê, trở trở mê, trở lạc trở lạc, phạt chiết lệ phạt chiết lệ, yết giáo yết giáo, phạt lật sát ni, nật sáp bả đạt ni**

**Phạt chiết lạc đạt lạc, sa yết lạc, ngật cụ sam**

**Trở tha yết đam át nô táp mạt lạc**

**Táp mạt lạc đạt ma tát điểm táp mạt lạp**

**Tăng già tát điểm táp mạt lạc**

**Trở tra trở tra, phổ lạc phổ lạc, phổ thứ gia, bạt lạc bạt lạc ni tô măng yết lệ, phiến đa mạt đề măng yết la phạt đề, tô bạt đạt lạc phạt đề, a yết xa yết xa**

**Tam mạt diêm a nô táp mạt lạc, sa ha.**

**A phạt chế nẫm, át nô táp mạt lạc, sa ha**

**Bát thứ bà, phàm át nô táp mạt lạc, sa ha**

**Diệt lật châm át nô táp mạt lạc, sa ha**

**Tỳ chiết diêm át nô táp mạt lạc, sa ha**

**Tát phộc tát đóa tỳ nại diêm át nô táp mạt lạc, sa ha**

Đà La Ni này có đủ Thần Lực . Nếu có kẻ trai làng, người nữ thiện chí tâm thọ trì, rộng vì người nói thì các Quỷ Thần, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Người, Phi Nhận thuộc nhóm ác chẳng có thể hại và ngày đêm tăng trưởng các việc lợi lạc.

Nếu hay chí thành cúng dường Tam Bảo, tụng Đà La Ni như vậy trải qua 7 ngày đếm không có tạm thiếu thì các Trời , Rồng ,Thần đều sinh vui vẻ, tụ đi đến âm thầm giúp đỡ cho tiền của, lúa gạo cần có. Sự đói kém mất mùa , dịch lệ thủy đều tiêu trừ, có bao nhiêu tội chướng không có gì không diệt hết. Tất cả sự nguy hiểm sợ hãi đều được an ninh, Phước Tuệ tăng dần, sự cầu nguyện được như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Bấy giờ Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng Lão rằng : " Ông nên tin nhận Đà La Ni này. Hãy ghi nhớ thọ trì, rộng vì người khác nói thì sự cầu nguyện lợi lạc sẽ không có gì không vừa ý "

Thời Trưởng Giả ấy nghe Đức Phật nói, liền vui vẻ hơn hởi rồi bạch Phật rằng : ' Con hay thọ trì, rộng vì người khác nói nhằm đem lại sự lợi ích an vui cho vô lượng Hữu Tình. Nguyện xin Đức Thế Tôn từ bi hộ niệm cho "

Đức Thế Tôn bảo : " Như thị ! Như thị ! "

Thời Trưởng Giả ấy chấp tay cung kính, nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng xong đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi vui vẻ lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan ( Ananda\_ Khánh Hỷ ) rằng : ' Mọi thứ tiền của , lúa gạo ở trong các kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả ngày nay thủy đều đầy chật "

Tôn Giả A Nan vui vẻ bạch Phật rằng : ' Do nhân duyên gì mà đột nhiên trong các kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả được đầy chật ? "

Đức Phật bảo : " Nay A Nan ! Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe Ta nói về Đại Đà La Ni đã khởi niềm tin thâm sâu, vui vẻ thọ trì đọc tụng, nguyện vì vô lượng Hữu Tình mà

diễn nói. Do Phước Lực này mà kho tàng được đầy chật. Các ông cũng nên thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác nói Đà La Ni này khiến cho tất cả loài Hữu Tình trong 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới này đều được lợi lạc.

Ta xem thấy Thiên Ma, Phạm Đẳng trong Thế Gian không có thể gây hủy nát và vượt qua Đà La Ni này được. Các kẻ phước mỏng chẳng thể được nghe. Tại sao thế ? Vì chương cú này là nơi Chư Phật ba đời cùng xưng dương, dùng Thần Lực chẳng thể luận bàn để gia bị cho người Văn Trì đều được lợi lạc "

Thân Tâm của Tôn Giả A Nan rất hoan hỷ. Ngài dùng Diệu Già Đà mà tán tụng rằng:

*Chư Phật khó luận bàn*

*Pháp đã nói cũng vậy*

*Người hay chính phụng hành*

*Quả Báo cũng như thế*

**NHẤT THIẾT TRÍ PHÁP VƯƠNG**

*Diệt : sinh, già, bệnh, chết*

*Đã đến Thắng Bỉ Ngạn*

*Cúi lạy Đại Giác Tôn*

Khi ấy A Nan hơn hởi vui mừng lễ Phật rồi chấp tay bạch rằng : " Thế Tôn ! Ngày nay Pháp Môn này có tên gọi như thế nào ? Chúng con nên phụng trì như thế nào ? "

Đức Phật bảo : " Nay A Nan ! Pháp này có tên gọi là **Diệu Nguyệt Trưởng Giả Sở Vấn** , cũng có tên là **Năng Cảm Nhất Thiết Tài Vị** , cũng gọi là **Dũ Tật** (Khỏi các bệnh) **Diệt Tội** , **Năng Diệt Nhất Thiết Hiểm Cụ** ( Hay diệt tất cả sự nguy hiểm sợ hãi) **Chư Phật Đồng Sở Xưng Dương, Chư Phật Thần Lực Gia Bị, Trì Thế Đà La Ni Kinh** .Ông nên phụng hành, đừng để quên mất nhằm đem lại lợi lạc cho tất cả Hữu Tình

Lúc Đức Bạc Già Phạm nói Đà La Ni này xong thì vô lượng Thanh Văn với các Bồ Tát và hàng Trời, Người, A Tố Lạc... tất cả Đại Chúng nghe điều Phật nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH ( Hết )



TRÌ THẾ ĐÀ LA NI

Dịch âm: HUYỀN THANH

巧伏 向忝叻先 屹丫先 市櫛她伏 凹卡丫出伏  
NAMO VAJRADHARA SAGARA NIRGHOṢĀYA TATHĀGATĀYA  
凹淪卡 鉏列本 矛治向凸 伐丫同互凸 四攻向凸 叻巧向凸 胃互凸  
盲矛向凸 挑互同 合互同 冰冰 鉏列本 合互同 挑巧凹斫 合巧凹斫  
合袂了圪 挑乃刑 伐乃刑 囚囚伙 鉚鉚伙 凹凹刑 凹先凹刑 向忝向怔  
挑向瓠市 巴了 向寺仗 市千巧市

TADYATHĀ : SURÙPE \_ BHADRA VATI \_ MAṂGALE MATI \_  
DHĀDYĀVATI\_ DHANA VATI \_ 'SRÌ MATI \_ PRABHAVATI \_ AMALE\_ VIMALE\_  
RURU \_ SURÙPE \_ VIMALE \_ ANATASTE \_ VINATASTE \_ VI'SVA KE'SI \_  
AKULE\_ MAṂKULE \_ DHIDHI ME \_ DHUDHU ME \_ TATARE \_ TATATARE \_  
VAJRA VAJRE \_ AVANTANI \_ ṬAKE VARṢAṆI \_ NIṢPANANI

矛丫圳 向忝叻先 州丫先 市櫛寺 凹卡丫凹 互平絆先

BHAGAVAM VAJRADHARA SĀGARA NIRGHOṢĀM TATHĀGATA\_  
MANUSMARA

屹楠 凹卡丫凹 屹忸 互平絆先

SARVA TATHĀGATA SATYA MANUSMARA

叻慙 屹忸 互巧絆先

DHARMA SATYA MANUSMARA

戍千 屹忸 互平絆先

SAMGHA SATYA MANUSMARA

凹巴巴巴 鬻先鬻先 鬻先伏鬻先伏 矛先矛先矛先仗 鉏伐丫刑 圭凹互凸  
伐丫匡互凸 鉏矛治向凸 挑丫琮丫献 屹互伏互平絆先 送扣

TATA TATA \_ PURA PURA \_ PURAYA PURAYA \_ BHARA BHARA  
BHARAṆI \_ SUMAṂGARE \_ 'SĀTA MATI\_ MAṂGALA MATI\_ SUBHADRA VATI  
\_ AGACCHA AGACCHA \_ SAMAYA MANUSMARA \_ SVĀHĀ

挑 四先 互平絆先 送扣

A DHĀRA MANUSMARA \_ SVĀHĀ

盲矛向 互平絆先 送扣

PRABHAVA MANUSMARA \_ SVĀHĀ

吟凸 互平絆先 送扣

DHṚTI MANUSMARA \_ SVĀHĀ

鞍 鉏向鉏叻刑 送扣

OM\_ SUVASUDHARE \_ SVĀHĀ

## PHẬT THUYẾT VỮ BẢO ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch : Đời Đường Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG phụng chiếu dịch  
Việt dịch : HUYỀN THANH*

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại rừng Kiến Tra Ca thuộc nước Kiều Thượng Di cùng với chúng Đại Bát Sô gồm có 500 người và rất nhiều các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến hội họp.

Bấy giờ trong nước Kiều Thượng Di có vị Trưởng Giả tên là Diệu Nguyệt vốn là người có các căn tịch tĩnh, tâm ý lặng trong, dẫn theo nhiều nam nữ và tôi tớ đã thành tựu tịnh tín ( Niềm tin trong sạch ) đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật trăm ngàn vòng rồi lui về trụ ở một bên, chấp tay cung kính bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Con có chút nghi ngờ, muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nguyện xin Đấng Từ Bi rủ lòng thương lắng nghe và hứa cho "

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng Giả rằng : " Ý ông đã muốn hỏi. Ta sẽ vì ông mà nói để cho Tâm ông được vui "

Trưởng Giả nghe xong liền vui mừng hơn hởi.

" Bạch Đức Thế Tôn ! Làm thế nào mà người trai lành , kẻ nữ thiện , các người nghèo túng có thể được giàu có ? Các kẻ bệnh tật khiến cho không còn có bệnh tật ? "

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng : " Do nhân duyên nào mà ông hỏi như vậy ? "

Thời Trưởng Giả bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyền thuộc, tiền bạc ít ỏi nên khó có thể chi dụng đủ, lại có nhiều bệnh tật. Nguyện xin Đức Thế Tôn mở bày Pháp yếu khiến cho kẻ nghèo túng xa lìa hẳn sự nghèo cùng, kho lương tiền của đều được dư đầy nhằm chu cấp cho vợ con nam nữ, quyến thuộc trong nhà và có người đến cầu xin thì đều vui vẻ làm vị Đại Thí Chủ khiến cho kho lương, vàng bạc, châu báu, Xích Châu, Mã Nã, vàng báu được phong nhiều không bao giờ hết để cấp dưỡng cho thân thuộc , rộng tu Huệ Thí làm lợi ích cho Hữu Tình "

\_ " Nay Thiện Nam Tử ! Vào a tăng kỳ kiếp trong thời quá khứ, Ta đã gặp Đức Phật Thế Tôn tên là **Trì Kim Cương Hải Am** Như Lai Ứng Chính Biến Tri. Từ Đức Như Lai ấy, Ta nhận được Vữ Bảo Đà La Ni này, rồi thọ trì đọc tụng, suy tư, tùy vui và vì kẻ khác rộng nói lưu bố. Do lực uy đức của Đà La Ni này mà các hàng Trời, Người, Phi Nhân, Dược Xoa, La Sát, Tất Lệ Đa, Tất Xá Già, Cưu Bàn Nỗ, Ô Sa Đa La Ca, Bồ Đan Na, Yết Tra Bồ Đan Na.... Loài khởi tâm ác chẳng có thể làm hại được. Lại có loài quỷ cướp đoạt mỡ tủy, thân thể, máu, nước mũi, thứ khạc nhổ, nước tiểu, phân của loài người và loài muốn đến gây nhiễu hại đều chẳng thể gây chướng ngại "

Đức Phật bảo : " Nay Diệu Nguyệt ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện khởi tâm ghi nhớ dùng tay giữ gìn viết chép cho đến chỉ nghe tên mà thọ trì, tùy vui, rộng vì người khác diễn bày thì kẻ trai lành, người nữ thiện ấy sẽ được an ổn suốt ngày đêm, nhận được sự vui thích vừa ý, là: sự giàu có, an vui, hạt giống tiền của vị Du Già.

Nếu có người thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này thì nên cúng dường tất cả Như Lai 1 ngày, 2 ngày, hoặc 3 ngày chuyên tâm tụng trì, yêu kính, tin tưởng Tam Bảo ắt chư Thiên đều vui vẻ vì vị Pháp Sư đọc tụng ấy liền tuôn mưa tài bảo, lúa gạo, lúa mì "

Liên nói Đà La Ni là :

- 1 ) Nãṅg mô bà nga phộc đế
- 2 ) Phộc nhật-la đà la
- 3 ) Sa nga la, niết cụ sái gia
- 4 ) Đát tha nghiệt đa dã
- 5 ) Đát nễ dã tha: Án, tố lỗ bế
- 6 ) Bạt nại-la phộc đế
- 7 ) Mãng nga lệ, a tả lệ
- 8 ) A tả phá lệ
- 9 ) Ôn già đá nễ
- 10 ) Ôn bệ ná nễ
- 11 ) Tát tả phộc đế
- 12 ) Đà nương phộc đế
- 13 ) Đà nãṅg phộc đế
- 14 ) Thất-lij ma đế
- 15 ) Bát-la bà, phộc đế
- 16 ) A ma lệ
- 17 ) Vĩ ma lệ
- 18 ) Lỗ lỗ
- 19 ) Tố lỗ bế
- 20 ) Vĩ ma lê
- 21 ) A ná đa tất đế
- 22 ) Vĩ ná đa tất đế
- 23 ) Vĩ thấp phộc kế như
- 24 ) Tả củ lệ
- 25 ) Mãng củ lệ
- 26 ) Địa địa minh
- 27 ) Độ độ minh
- 28 ) Đá đá lệ
- 29 ) Đa la, đa la
- 30 ) Phộc nhật-lê
- 31 ) A vạt đá nễ
- 32 ) Bộ kế, ốc kế
- 33 ) Tra kế, tra kế
- 34 ) Vạt la-sái ni
- 35 ) Nễ sáp bá na nễ
- 36 ) Bà nga vãn
- 37 ) Phộc nhật-la đà la
- 38 ) Sa nga la
- 39 ) Niết cụ sam
- 40 ) Đát tha nghiệt đá , ma nễ sa-ma la
- 41 ) Sa-ma la, sa-ma la

- 42 ) Tát phộc đát tha nghiệt đả
- 43 ) Tát nễ đả
- 44 ) Ma nễ sa-ma la
- 45 ) Tăng già tát đễ-dã, ma nễ sa-ma la
- 46 ) Đát tra, đát tra
- 47 ) Bớ la, bớ la
- 48 ) Bớ la đả, bớ la đả
- 49 ) Bà la, bà la, bà la nê
- 50 ) Tố mãng nga lệ
- 51 ) Phiến đả, ma đễ
- 52 ) Mộng nga la, ma đễ
- 53 ) Bát-la bà, ma đễ, ma ha đễ
- 54 ) Tố bà nại-la, phộc đễ
- 55 ) A nghiệt tha, a nghiệt tha
- 56 ) Tam ma đả, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 57 ) A đà la, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 58 ) Bát-la bà phộc, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 59 ) Đà-ly đễ, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 60 ) Vĩ nhạ đả, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ
- 61 ) Tát phộc tát đát-phộc, vĩ nhạ đả, ma nễ sa-ma la, sa-phộc hạ

Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả : " Đây gọi là Vũ Bảo Đà La Ni. Do uy lực của Đà La Ni này mà bệnh hoạn, đói kém mất mùa, tật dịch, tội chướng... cả thảy đều tiêu diệt.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện trước tiên nên cúng dường tất cả Như Lai , trong một ngày một đêm tụng trì không có gián đoạn thì ngôi gia ấy liền tuôn mưa báu như lượng một người lớn, tất cả tai họa thảy đều tiêu diệt. Chính vì thế cho nên Thiện Nam Tử nên thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này, rộng vì người khác phân biệt diễn nói."

\_ " Lành thay ! Thế Tôn ! "

Diệu Nguyệt Trưởng Giả nghe lời Phật nói liền vui mừng hỗn hờ

" Nay con theo Đức Phật nhận Vũ Bảo Đà La Ni này sẽ thọ trì đọc tụng, rộng vì người khác phân biệt giải nói "

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhận lời dạy của Đức Phật xong liền nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi vui vẻ lui ra.

Khi ấy Đức Phật bảo Cự Thọ A Nan Đà rằng : " Ông đi qua nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn xem mọi loại tiền tài, lúa gạo, các vật trân bảo và các vật dụng ở trong kho tàng của vị Trưởng Giả ấy ngày nay đã dư đầy chưa ? "

Lúc đó Cự Thọ A Nan Đà nhận lời Phật dạy xong, đi đến Thành Kiều Thượng Di, vào nhà của Diệu Nguyệt Trưởng Giả nhìn thấy tài bảo trong các kho tàng đều dư đầy. Ngài A Nan trông thấy sự việc này thì tâm rất vui mừng hỗn hờ đi về

Khi ấy Cự Thọ A Nan Đà khởi tâm khác lạ chưa từng có. Ngài vui vẻ bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Do nhân duyên nào mà kho tàng của Diệu Nguyệt Trưởng Giả lại dư đầy như thế ? "

Đức Phật bảo : " Nay Thiện Nam Tử ! Diệu Nguyệt Trưởng Giả có niềm tin trong sạch nơi Ta , đã thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni này lại vì tất cả Hữu Tình diễn nói. Vì thế nên A Nan Đà ! Hãy thọ trì Đà La Ni này và rộng vì người khác nói. Ta dùng Phật Nhãn xem xét các hàng Trời,

Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn trong Thế Gian đối với kẻ thọ trì Vũ Bảo Đà La Ni chẳng dám gây chướng nạn. Vì sao thế ? Vì Như Lai không có nói lời khác ( Dị ngữ ) Chân Ngôn Cú này chẳng có thể bị hủy nát được. Đà La Ni này, kẻ Hữu Tình không có căn lành thì có tai cũng chẳng được nghe hưởng chi là viết chép, đọc tụng. Tại sao vậy ? Vì đây là nơi mà tất cả Như Lai tùy hỷ. Là nơi mà tất cả Như Lai khen ngợi. Là nơi mà tất cả Như Lai hiển dương. Là nơi mà tất cả Như Lai gieo trồng hạt giống "

A Nan bạch Phật rằng : " Lành thay ! Thế Tôn ! " Rồi dùng Diệu Già Tha (Gatha:bài kệ)mà nói Tụng là :

***Chư Phật khó luận bàn***

***Phật Pháp cũng như vậy***

***Tính Tịnh không suy nghĩ***

***Quả báo cũng như vậy***

***Tịch Tuệ Nhất Thiết Trí***

***Pháp Vương chẳng diệt sinh***

***Đã đến Thắng Bỉ Ngạn***

***Cúi lạy Phật Dũng Mạnh***

Bấy giờ Cụ Thọ A Nan Đà đã nghe Đức Phật nói về Kinh Vũ Bảo Đà La Ni này liền hớn hở vui mừng bạch với Đức Phật rằng :

" Thế Tôn ! Pháp yếu này có tên gọi như thế nào ? Kinh này, ngày nay chúng con thọ trì như thế nào ? "

Đức Phật bảo : ' Này A Nan Đà ! Kinh này có tên là **Diệu Nguyệt Trưởng Giả Sở Vấn Ông** nên thọ trì, cũng có tên là **Năng Hộ Nhất Thiết Tài Bảo Phục Tàng**, cũng có tên là **Nhất Thiết Như Lai Xưng Tán Vũ Bảo Đà La Ni Giáo** Ông nên thọ trì "

Thời Đức Bạc Già Phạm nói Kinh này xong thì vô lượng Bát Sô và các Bồ Tát với chư Thiên, Người, A Tô La... tất cả Đại Chúng nghe điều Phật nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

\_ Tâm Chân Ngôn là :

**" An Phộc Tố đà lệ, sa-phộc hạ "**

𑖀 向 鉏 叻 刑 送 扣

\*) OM\_ VASUDHARE\_ SVÀHÀ

\_ Tâm Trung Tâm Chân Ngôn là :

**" An \_ Thất-lị phộc tố, sa-phộc hạ "**

𑖀 胃 向 鉏 送 扣

\*) OM\_ 'SRÌ VASU\_ SVÀHÀ

\_ Tiểu Tâm Chân Ngôn là :

**' An \_ Phộc tố, sa-phộc hạ "**

𑖀 向 鉏 送 扣

\*) OM\_ VASU\_ SVÀHÀ

PHẬT THUYẾT VŨ BẢO ĐÀ LA NI KINH ( HẾT )

# VŨ BẢO ĐÀ LA NI

Dịch âm: HUYỀN THANH

巧伏 矛丫向包 向忝叻先 州丫先 市櫛她伏 凹卡丫出伏

NAMO BHAGAVATE VAJRADHARA SÀGARA NIRGHOṢÀYA TATHÀGATÀYA

凹改卡 馮 鉏冰本 矛詔向凸 薙丫同 挑弋同 挑弋扔同 梁叉凹市 梁立叨市

屹兩向凸 叻鄰向凸 叻巧向凸 冑互凸 盲矛向凸 挑互同 合互同 冰冰

鉏冰立 合互同 挑叨凹旃 合叨凹旃 合鄔了圪 挑仕同 博乃同 囚囚伙

鉶鉶伙 凹凹同 凹先掙 向怔 玅向痛市 禾楫珺楫 巴了掙 向溶仗 市子叨市

TADYATHÀ: OM SURUPE BHANDRA VATI MOMGALE ACALE ACAPALE

UGHÀTANI UBHEDANI SASYA VATI DHAJÑA VATI DHANA VATI 'SRÌ

MATI PRABHA VATI AMALE VIMALE RURU SURUBHE VIMALE

ADATASTE VIDATASTE VI'SVA KE'SI AÑKULE MOMKULE DHIDHI ME

DHUDHU ME TATALE TARA TARA VAJRE AVARTTANI BHUKKE

OKKE TAKE TAKE VARṢAṆI NIṢPADANI

矛丫圳 向忝叻先 州丫先 市櫛寺 凹卡丫凹 互平絆先

BHAGAVAM VAJRADHARA SÀGARA NIRGHOṢAM TATHÀGATA

MANUSMARA

絆先掙

SMARA SMARA

屹楠 凹卡丫凹 屹忸 互平絆先

SARVA TATHÀGATA SATYA MANUSMARA

叻獲 屹忸 互平絆先

DHARMA SATYA MANUSMARA

鉶千 屹忸 互平絆先

SAMGHA SATYA MANUSMARA

凹巴掙 鬻先掙 鬻先伏掙 矛先掙 矛先仗 鉏博丫同 圭阨互凸 博丫同互凸

盲矢互凸 互扣互凸 鉏矛詔向凸 玅丫欸掙 屹互伏 互平絆先 送扣

TATA TATA PURA PURA PURAYA PURAYA BHARA BHARA BHARAṆI

SUMOMGALE 'SANTA MATI MOMGALA MATI PRABHÀ MATI MAHÀ

MATI SUBHANDRA VATI ÀGACCHA ÀGACCHA

SAMAYA MANUSMARA SVÀHÀ

玅 四先 互平絆先 送扣

À DHÀRA MANUSMARA SVÀHÀ

盲矢向 互平絆先 送扣

PRABHÀVA MANUSMARA SVÀHÀ

昧丙 互平絆先 送扣

DRDHA MANUSMARA SVÀHÀ

合介伏 互平絆先 送扣

VIJAYA MANUSMARA \_ SVÀHÀ

屹楠 屹兹 合介伏 互平絆先送扣

SARVA SATVA VIJAYA MANUSMARA \_ SVÀHÀ

Hoàn chỉnh Phạm văn vào ngày 19/06/2006

Mật Tạng Bộ 3 - No 1164 (Tr. 669 → Tr. 672)

## PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch: Tây thiên Trung Ấn Độ, nước Ma Kiệt Đà, chùa NA LAN ĐÀ Truyền Giáo Đại  
Sư Tam Tạng, Sa Môn được ban áo tía là PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH*

Như vậy tôi nghe có. Một thời Đức Phật ngự trong rừng Đại Cức thuộc nước Kiều Thướng Di cùng với chúng Đại Tỳ Kheo gồm có 450 người đều là chúng Sở Tri Thức, Đại A La hán và các Bồ Tát Ma ha tát, các chúng của Phật Pháp đều đến dự hội, cung kính vây quanh nghe Đức Phật nói Pháp.

Bấy giờ trong Hội có 1 vị trưởng giả tên là Diệu Nguyệt (Sucandra) trú ngụ nơi Đại thành Kiều Thướng Di. Vị trưởng giả như vậy có trí tuệ lớn, phương tiện khéo léo; đông đầy quyến thuộc nam nữ, nô tỳ, tôi tớ đều có đủ căn lành, phát tâm đại thiện.

Lúc đó, Diệu Nguyệt Trưởng giả đến quan sát Đức Thế Tôn và chỗ Phật ngự xong liền cung kính chấp tay, đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi nhiễu quanh kinh hành trăm ngàn vòng và lui về một bên, an lành ngồi xuống. Xong rồi, Diệu Nguyệt Trưởng giả bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Ngày hôm nay con muốn thưa hỏi Đấng Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác. Nay trong tâm con có chút việc nghi, nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Từ bi vô lượng, vì con mà nói Pháp để khai mở chỗ kết nghi của con.”

Khi ấy, Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay Ta muốn biết tâm ông nghi ngờ điều gì mà cần phải hỏi. Nếu tâm ông đã nghi thì chẳng nên ôm chứa trong lòng làm chi.”

Diệu Nguyệt Trưởng giả nghe Đức Phật nói xong, lại bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Như kẻ trai lành, người nữ thiện chịu sự nghèo túng thì làm thế nào để chẳng còn nghèo túng nữa? Người bị nhiều bệnh tật phải làm sao để chẳng còn bệnh tật nào?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn là Bạc có đủ Nhất Thiết Trí bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay có phải ông vì sự nghèo túng nên ôm ấp sự nghi hoặc mà hỏi điều đó chẳng?”

Diệu Nguyệt Trưởng giả bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Bạch Đức Thế Tôn! Nay con chỉ vì sự nghèo túng! Xin Đấng Thiện Thệ hãy vì quyến thuộc, nam nữ, nô tỳ, tôi tớ ở đông đầy trong nhà và vì con mà nói! Xin Đức Thế Tôn hãy dựa vào câu hỏi của con mà nói Pháp. Chúng sinh bị nghèo túng phải dùng phương tiện gì khiến cho xa lìa được sự nghèo khổ? Chúng sinh bị nhiều bệnh phải dùng phương tiện gì khiến cho không còn bệnh nào? Phải làm thế nào để cho kho lương được tràn đầy vật dụng, tài bảo, lúa gạo ... phục vụ cho cuộc sống? Phải làm thế nào để được nhìn thấy điều yêu thích là: vàng, bạc, ma ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, xà cừ, kim cương, vật báu ... kho tàng tràn đầy? Khiến con đem bố thí vẫn không bao giờ hết? Làm thế nào để cho quyến thuộc nam nữ lớn nhỏ trong nhà đều được tôn quý, tự tại?”

Diệu Nguyệt Trưởng giả tác bạch như vậy với Đức Thế Tôn xong. Ngay lúc đó, Đức Phật bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Vào vô số kiếp xa xưa ở đời quá khứ, trong đời ấy có Đức Phật ra đời tên là TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ta ở chỗ Đức Thế Tôn ấy nghe được Đà la ni tên là : CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ. Nghe Pháp đó xong, ta thường thọ trì đọc tụng, chí thành cúng dường và vì người khác diễn nói Đà la ni đó.

Này Thiện nam tử! Nay Ta vì ông nói Đà la ni này nhằm ủng hộ ông khiến cho hàng người chẳng thể làm hại được, hàng phi nhân cũng chẳng thể làm hại được, hàng Dược Xoa chẳng có thể làm hại được, hàng La Sát chẳng có thể làm hại được, hàng Tát Lệ Đa chẳng có thể làm hại được, hàng Tỳ Xá Già chẳng có thể làm hại được, hàng Ô Sa Đa La Ca chẳng có thể làm hại được, hàng Bồ Đan Na chẳng có thể làm hại được, hàng Yết Tra Bồ Đan Năng chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ Đại tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn thứ Tiểu tiện chẳng có thể làm hại được, loài ăn mọi thứ vật Tịnh, vật Bất Tịnh cũng chẳng có thể làm hại được.

Diệu Nguyệt Trưởng giả! Cát Tường Trì Thế Đà la ni này, nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được Đà la ni này rồi đem đặt ở trong nhà cửa của mình hoặc cầm trong tay, cung kính cúng dường. Hoặc dùng tâm suy nghĩ về Kinh Pháp đó. Hoặc được lắng nghe Kinh Pháp đó mà liền thọ trì, đọc tụng, cúng dường hoặc rộng vì người khác giải nói nghĩa thú thì kẻ trai lành, người nữ thiện này ngày đêm thường được vệ hộ an ổn vui thích vừa ý, ăn uống dư dật, được phước đức lớn.

Nếu hay cúng dường Cát Tường Trì Thế Đà la ni Kinh này tức là cúng dường tất cả Bạc Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác trong ba đời: Quá khứ, Hiện tại, Vị lai.

Nếu hay y theo Pháp thường ở trong thời khóa ban đêm niệm trì Đà la ni này 4 biến thì người này liền được Chư Thiên đi đến vệ hộ cho vui vẻ ái lạc. Lại vì người này mà thân cận, tự đi đến giáng mưa thức ăn uống ngon ngọt thượng diệu.

Các hàng Thiên chúng đối với các Như Lai đều mang tâm vui vẻ, đối với các Phật Pháp đều mang tâm vui vẻ, đối với Trí Vô Tướng của Phật đều mang tâm vui vẻ, đối với HÒA HỢP



CHÚNG (Chư Tăng) đều mang tâm vui vẻ, đối với vị Thầy nói Pháp (Thuyết Pháp Sư) đều mang tâm vui vẻ.

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “Nay Ta vì ông với tất cả chúng sinh đời vị lai khiến cho được sự an vui lợi ích lớn.”

Liên nói Cát Tường Trì Thế Đà la ni là:

1. **Nãṅ mō (NAMO)**
2. **La Đát nãṅ đát la dạ đã (RATNATRAYÀYA)**
3. **Nãṅ mō (NAMO)**
4. **Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)**
5. **Phộc nhật la đà la (VAJRADHÀRA)**
6. **Sa nga la (SÀGARA)**
7. **Ninh lạt khô sái đã (NIRGHOṢÀYA)**
8. **Đát tha nga đá đã (TATHÀGATÀYA)**
9. **Lạt hạ đế (ARHATE)**
10. **Tam miệu ngật tam một đà đã (SAMYAKSAMBUDDHÀYA)**
11. **Đát nễ đã tha (TADYATHÀ)**
12. **Tố lỗ bế (SURÙPE)**
13. **Tố phộc ná minh (SUVARADE)**
14. **Bà nại lê (BHADRE)**
15. **Tố bà nại lê (SUBHADRE)**
16. **Bà nại la phộc đế (BHADRA VATI)**
17. **Tán nại la phộc đế (CANDRA VATI)**
18. **Mãng nga lệ, mǎng nga lệ (MAṄGALE MAṄGALE)**
19. **Tố mǎng nga lệ (SUMAṄGALE)**
20. **Mǎng nga la phộc đế (MAṄGALA VATI)**
21. **A lệ (ALE)**
22. **A tả lệ (ACALE)**
23. **A tả bá lệ (APCAPALE)**
24. **Ôn nậu già đá ninh (UDGHÀTANI)**
25. **Ôn nễ dữu đát ninh (UDDYOTANI)**
26. **Ôn nậu tỵ ná ninh (UDBHEDANI)**
27. **Ổ thế na ninh (UCCHEDANI)**
28. **Tát đả phộc đế (SASYA VATI)**
29. **Đà nãṅ phộc đế (DHÀNA VATI)**
30. **Đà ninh đã phộc đế (DHÀNVA VATI)**
31. **Thất ly mặt đế (‘SRÌ MATI)**
32. **Bát la bà mặt đế (PRABHÀ MATI)**
33. **A ma lệ (AMALE)**
34. **Vĩ ma lệ (VIMALE)**
35. **Minh lạt ma lệ (NIRMALE)**
36. **Lỗ lỗ (RUḤ RUḤ)**
37. **Lỗ lỗ (RUḤ RUḤ )**
38. **Lỗ lỗ phộc đế (RUḤ RUḤVATI)**
39. **Tố lỗ bế (SURÙPE)**

40. Tạt phả lệ (CAPALE)
41. Mãng nga lệ (MA ÑGALE)
42. A lật bán năng tất đế (ARPANASTHE)
43. Vĩ đất năng tất đế (VITTA NÀSTE)
44. Yết vĩ năng tất đế (AVINAṢṬE)
45. Yết đất năng tất đế (ÀTANASTHE)
46. Yết vĩ đất năng tất đế (AVITANÀSTE)
47. Yết đà năng tất đế (ADHANASTHE)
48. Túc đa la năng tất đế (CITRA NÀSTHE)
49. Vĩ thấp phộc kế thủy ninh (VI'SVA KE'SINÌ)
50. Vĩ thấp phộc lỗ cấm (VI'SVA RÙPE)
51. Vĩ truật năng thủy (VI'SUNA'SI)
52. Vĩ thuận đà thí lệ (VI'SUDDHA 'SÌLE)
53. Vĩ canh nê ninh (VIGUṆINIYE)
54. A nỗ đá lê (ANUTTARE)
55. Áng củ lê (A ÑGULE)
56. Mãng củ lê (BHA ÑGULE)
57. Bát la bàng củ lê (PRABHA ÑGULE)
58. Vĩ la minh (VIRAME)
59. Vĩ đà minh (VIDHARME)
60. Độ minh (DUḤ ME)
61. Độ độ minh (DHU DHU ME)
62. Ly ly minh (DHI DHI ME)
63. Khư khư lệ (KHA KHALE)
64. Xí xí minh (KHI KHI ME)
65. Khô khô minh (KHU KHU ME)
66. Đát đát lệ (TA TÀRE)
67. Đa la đa la (TÀRA TÀRA)
68. Đát đát la, đát đát la (TA TÀRA , TA TÀRA)
69. Đá la dã, đá la dã (TÀRAYA TÀRAYA)
70. Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ (VAJRE VAJRE)
71. Phộc nhật lỗ bát minh (VAJROPAME)
72. Tra kế, Tra kế (À ÑKE ṬA ÑKE)
73. Xá kế, Xá kế (DAKE DHÀRAKE)
74. Ổ kế (OGHE)
75. Vũ kế (BHOGE)
76. Bạc kế (PÙGE)
77. Nại kế (DAKE)
78. Đạt kế (DHAKE)
79. Đạt la kế (DHÀRAKE)
80. A phộc lật đá ninh (ÀVARTANI)
81. Bát la phộc lật đá ninh (PRAVARTANI)
82. Phộc lật sái nê, phộc phật sái nê (VARṢAṆI VARṢAṆI)

83. **Ninh sắt bá nại ninh** (NIṢPĀDANI)
84. **Phộc nhật la đà la** (VAJRADHĀRA)
85. **Sa nga la** (SĀGARA)
86. **Ninh lật củ sái dát tha nga đá** (NIRGHOṢA TATHĀGATA)
87. **Mạt lỗ sa ma la** (MANUSMARA)
88. **Tát lật phộc dát tha nghiệt đá** (SARVA TATHĀGATA)
89. **Tát để dĩa ma nõ sa ma la** (SATYA MANUSMARA)
90. **Đạt lật ma tát để dĩa** (DHARMA SATYA )
91. **Ma nõ sa ma la** (MANUSMARA)
92. **Tăng già tát để dĩa** (SAMGHA SATYA)
93. **Ma nõ sa ma la** (MANUSMARA)
94. **Đát tra, Đát tra** (TAṬA TAṬA)
95. **Bố la dĩa, bố la dĩa** (PŪRAYA PŪRAYA)
96. **Bố la nê, bố la nê** (PŪRAṆI PŪRAṆI)
97. **Tát lật phộc thương** (SARVA Ā'SĀ)
98. **Tát lật phộc, tát dát phộc nan tả** (SARVA SATTVĀNĀMCA)
99. **Bà la, bà la** (BHARA BHARA)
100. **Mãng nga lệ** (MA ŅGALE)
101. **Phiến đá mặt để** ('SĀNTA MATI)
102. **Truật bà mặt để** ('SUBHA MATI)
103. **Ma hạ mặt để** (MAHĀ MATI)
104. **Mãng nga la ma để** (MA ŅGALE MATI)
105. **Bát la bà phộc để** (PRABHĀ VATI)
106. **Bà nại la phộc để** (BHADRA VATI)
107. **Tố tán nại la ma để** (SUCANDRA MATI)
108. **A nga tả, A nga tả** (ĀGACCHA ĀGACCHA)
109. **Tam ma dĩa ma nõ tam ma la** (SAMAYA MANUSMARA)
110. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
111. **A phộc la noa ma nõ sa ma la** (ĀVARAṆA MANUSMARA)
112. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
113. **A đà la ma nõ sa ma la** (Ā DHĀRA MANUSMARA)
114. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
115. **Bát la bà phộc ma nõ sa ma la** (SVABHĀVA MANUSMARA)
116. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
117. **Sa phộc bà phộc ma nõ sa ma la** (PRABHĀVA MANUSMARA)
118. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
119. **Địa ly để ma nõ sa ma la** (DR̥DHI MANUSMARA)
120. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
121. **Đế nhạ ma nõ sa ma la** (TEJA MANUSMARA)
122. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
123. **Nhập dĩa ma nõ sa ma la** (JAYA MANUSMARA)
124. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)
125. **Vĩ nhạ dĩa ma nõ sa ma la** (VIJAYA MANUSMARA)
126. **Sa phộc hạ** (SVĀHĀ)

**127. Ngột ly ná dĩa ma nõ sa ma la (HRDAYA MANUSMARA)**

**128. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)**

**129. Tát lật phộc tát đát phộc ma nõ sa ma la (SARVA SATTVA MANUSMARA)**

**130. Sa phộc hạ (SVÀHÀ)**

Lại nói CÁT TƯỜNG TRÌ THỂ CĂN BẢN MINH là:

**1. Nãng mô**

**2. La đát nãng đát la dạ dĩa**

**3. ÁN**

**4. Phộc tố đà lê**

**5. Sa phộc hạ**

**6. ÁN**

**7. Thất ly phộc tố mẫu ninh**

**8. Sa phộc hạ**

☞ NAMO RATNATRAYÀYA

OM \_ VASU DHÀRE \_ SVÀHÀ

OM \_ 'SRÌ VASU MUṆI \_ SVÀHÀ

Tâm Minh là:

**1. Nãng mô**

**2. La đát nãng đát la dạ dĩa**

**3. ÁN**

**4. Phộc tố thất ly duệ**

**5. Sa phộc hạ**

**6. ÁN**

**7. Thất ly**

**8. Phộc tố ma đế**

**9. Thất ly duệ**

**10. Sa phộc hạ**

**11. ÁN**

**12. Phộc tố**

**13. Sa phộc hạ**

**14. ÁN**

**15. Lạc khát sô nhĩ phỏ đá lạc ninh**

**16. Phộc tố ninh duệ**

**17. Sa phộc hạ**

**18. Nãng mô**

**19. Phộc nhật la bá na duệ**

**20. Thất ly duệ, thất ly ca ly**

**21. Đà nãng ca ly**

**22. Đà ninh dĩa ca ly**

**23. Sa phộc hạ**

☞ NAMO RATNATRAYÀYA

OM VASU 'SRÌYE SVÀHÀ

OM 'SRÌ VASU MATI 'SRÌYE SVÀHÀ

OM VASU SVÀHÀ

OM LAKṢMI BHÙ TÀRAṆI VASINÌYE SVÀHÀ

NAMO VAJRAPANAYE – ‘SRÌYE – ‘SRÌ KARE \_ DHANA KARE – DHÀNAYA  
KARE SVÀHÀ

(Bản khác ghi nhận bài **Tâm Minh** như sau:

NAMO RATNATRAYÀYA

OM VASU ‘SRÌYE SVÀHÀ

OM ‘SRÌ VASUMATI ‘SRÌYE SVÀHÀ

OM VASU SVÀHÀ

OM LAKṢMI PUTRA NIVÀSINIYE SVÀHÀ

NAMO VAJRAPANAYE ‘SRÌYE, ‘SRÌ KARI, DHANA KARI, DHÀNAYA KARI  
SVÀHÀ )

Đức Phật lại bảo Diệu Nguyệt Trưởng giả rằng: “ **Cát Tường Trì Thế Đà la ni** này có uy đức lớn. Nếu các ông hay tùy thời trì tụng thì hết thủy mọi nạn về bệnh tật, đói kém, mất mùa, Thiên thọ đều chẳng có thể xâm phạm được.

Nếu lại có người ở ngay trong nhà cửa mình, hoặc nhà người khác, hoặc tùy nơi cư ngụ mà cúng dường TRÌ KIM CƯƠNG HẢI ĐẠI ÂM THANH Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác và chí tâm trì niệm Cát Tường Trì Thế Đà la ni này, đầy đủ mọi thứ cúng dường trong sáu tháng. Như vậy, tùy theo điều cầu nguyện với việc tăng ích đều được thành tựu.

Nếu lại có người y theo Pháp chọn lựa nơi thanh tịnh hoặc trong kho lương dùng Bạch Đàn hương xây dựng Tứ phương Man Noa La. Xong, thỉnh triệu, cúng dường Trì Kim Cương Hải Đại Âm Thanh Như Lai với tất cả Phật, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát, các hàng Bồ Tát, Thánh chúng; thường ở ban đêm chí tâm niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni khiến cho không bị gián đoạn cho đến lúc thành tựu thì kẻ trai lành, người nữ thiện này liền được người có uy đức lớn đi đến giảng phước giúp đỡ, tùy theo điều cầu nguyện khiến cho được mãn túc tất cả tài vật, lúa gạo, vàng bạc, trân bảo; tất cả việc khủng bố nhiễu loạn đều được tiêu trừ.

Này Diệu Nguyệt Trưởng giả! Nếu các ông hay tinh tiến thọ trì, niệm Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này mà hay rộng vì người khác giải nói thì hay khiến cho ông ngày đêm được sự lợi ích an vui trên cõi đời và cõi nhân gian”.

Diệu Nguyệt Trưởng giả ca ngợi rằng: “Lành thay! Đức Thế Tôn khéo nói.”

Diệu Nguyệt Trưởng giả ở nơi Đức Thế Tôn lắng nghe được Cát Tường Trì Thế Đà la ni đó xong thì tâm sinh ái lạc, vui mừng hơn hởi, sắc mặt tươi vui đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này. Từ nay về sau con vĩnh viễn không để cho quên mất, mà luôn ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa ấy, cúng dường cung kính và vì người khác diễn nói Pháp đó.”

Lúc đó, trong nhà của Diệu Nguyệt Trưởng giả, trong khoảng thời gian bằng các búng tay, đột nhiên có mọi thứ vàng bạc, trân bảo, lúa gạo, tài vật tràn đầy các kho lương.

Bấy giờ Diệu Nguyệt Trưởng giả chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn không hề chớp mắt rồi lại nhiễu quanh hàng trăm ngàn vòng, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan Đà rằng: “Ngay hôm nay ông hãy đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng giả rồi vào trong nhìn xem có bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, vàng bạc, châu báu đã tràn đầy trong mọi kho lương, kho tàng của Trưởng giả ấy chưa?”

Khi đó, A Nan Đà nghe lời Đức Phật dạy xong, liền mau chóng đi đến ngôi gia của Diệu Nguyệt Trưởng giả nơi Đại thành Kiều Thượng Di. Đến nơi rồi, Ngài vào xem và nhìn thấy bao nhiêu thứ tài vật, lúa gạo, hộc thạc, vàng bạc, trân bảo, thủy đều tràn đầy trong mọi loại kho lương rộng lớn.

Lúc A Nan Đà đột nhiên nhìn thấy việc như vậy thì trong lòng kinh ngạc, mỉm cười và khởi tâm ái lạc, vui vẻ hơn hở. Thời A Nan Đà tuân phụng lời dạy của Đức Phật xong liền quay về chỗ Đức Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi bạch với Đức Phật rằng: “Diệu Nguyệt Trưởng giả dùng nhân duyên nào mà được phước rộng lớn như vậy? Lành thay! Thế Tôn! Nguyện xin vì con mà diễn nói việc đó.”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Diệu Nguyệt Trưởng giả này có Đại Trí Tuệ, vì hay phát tâm nhờ giữ vĩnh viễn không có quên mất, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính, suy tư diệu lý, phát Đại Từ Bi vì chúng sinh khác giải nói Pháp đó, nên hay khiến cho ông ấy được công đức thù thắng chẳng thể luận bàn. Trong vô lượng đời thường vì Chư Thiên với người ở Thế gian diễn nói Pháp đó.

A Nan Đà! Đà la ni này thật là điều hiếm có. Tất cả Thiên Ma, Đại Phạm Thiên Vương, Sa Môn, Bà La Môn chúng, Trời, Người, A Tố La ... đối với Cát Tường Trì Thế Đà la ni này thường nên phát tâm tôn trọng cung kính chẳng nên khởi tâm phá hoại, khinh chê.

A Nan Đà! Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này, các Chú chẳng có thể phá hoại được. Nếu chúng sinh không có căn lành, chúng sinh kém phước thì dù có tai cũng chẳng được tạm nghe, hưởng chi có thể biết Đà la ni này được ghi ở trong Kinh đó mà tâm ghi nhớ; miệng diễn nói thọ trì đọc tụng được. Tại sao vậy? Vì Cát Tường Trì Thế Đà La Ni này là nơi diễn nói của tất cả Như Lai; là nơi gia trì của tất cả Như Lai; là nơi mà tất cả Như Lai đồng ấn khả, giải thích, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi; là Pháp Tối Thắng vi diệu rất khó giải bày. Tất cả Như Lai, mỗi một tâm đều không có sai khác, dùng một âm thanh diễn Pháp này khiến cho các chúng sinh đều được giải rõ.

Nay Ta vì các chúng sinh chịu nhiều sự khổ vì nghèo túng, bệnh tật, cái ác khủng bố tất cả sự nhiễu loạn, việc không thể chịu nổi khiến cho người thọ nhận các điều ấy được sung túc, an ổn, khoái lạc.

Bấy giờ, A Nan Đà nghe Đức Phật nói về Cát Tường Trì Thế Đà la ni này xong liền phát tâm ghi nhớ, thọ trì, đọc tụng, suy tư giải rõ, tôn trọng cúng dường. A Nan Đà từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối bên phải sát đất chấp tay hướng về ban chân của Đức Phật. Thời A Nan Đà kính lễ Đức Phật xong liền phát tâm chí thành, nói Nga Tha (Gatha) đó mà ca ngợi rằng:

***Chư Phật Thế Tôn khó luận bàn  
Pháp do Phật nói khó luận bàn  
Phát tâm hoan hỷ khó luận bàn  
Thuận hiện thọ báo khó luận bàn  
Thiên Nhân Sư Trí Nhất Thiết Trí  
Đến bờ bên kia lìa sinh tử  
Lẽ quả vô thượng thành Pháp Vương  
Nay con xưng tán Pháp vô úy***

Lúc đó, A Nan Đà nói lời ca ngợi đó xong liền vui vẻ hơn hở bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Kinh này có tên gọi như thế nào? Nay con phụng trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan Đà rằng: “Như lời ông hỏi thì Kinh này có tên Diệu Nguyệt Trưởng giả Sở Vấn Kinh; Đắc Nhất Thiết trì Bảo Kho Tàng Thọ Trì Pháp Kinh. Lại có tên gọi là: Nhất Thiết Như Lai Sở Thuyết Cát Tường Trì Thế Đà La Ni Kinh. Các ông cần thọ trì như vậy.”

Đức Phật nói kinh đó xong thì A Nan Đà với các Tỳ Kheo, Bồ tát ma ha tát, tất cả Trời, Người, A Tố La, Càn Đát Phộc ... của thế gian đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành, làm lễ rồi lui ra.

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA THÁNH CÁT TƯỜNG TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH  
HẾT**

**03/05/2006**

## THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch: Tây thiên dịch kinh Tam tạng triều tán Đại phu Thi Hồng Lô Thiếu Khanh –  
Truyền Pháp Đại Sư THI HỘ phụng chiếu dịch.*

*Việt dịch: HUYỀN THANH*

Bấy giờ, Trì Thế Bồ Tát bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng Đà la ni này thì phải thọ trì như thế nào? Nguyên xin Đức Phật diễn nói.”

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người ở mỗi đầu tháng, vào ngày mồng một của tháng Bạch Nguyệt, một mình đi vào dòng sông của biển cả và ngâm mình trong làn nước sao cho nước ngập đến vú, xong quay mặt về phương Đông, hướng về mặt trời, chấp tay mà đứng. Bắt đầu từ lúc mặt trời ló dạng, cho đến lúc mặt trời lặn, tụng trì chú này. Từ nước đi ra, xong nhịn ăn 7 ngày, ngày đêm tụng trì và đừng nói chuyện với người khác. Sau đó, liền vẽ bản hình của Trì Thế. Muốn điểm tô sắc vẽ thì dùng tâm trân trọng đem nước hương Bạch Chiên Đàn xoa lên lụa rồi để trải qua một túc (1 đêm hay một thời hạn) biểu thị cho tâm cúng dường, khiến người Thầy, người thọ vẽ phải thọ Tế giới, tắm gội mặc quần áo mới, khởi tâm trân trọng y theo Pháp điểm tô sắc vẽ trang nghiêm. Bức tượng cao 10 khuỷu tay, ngang rộng 3 khuỷu tay, sắc vẽ màu xanh lục đậm, ngồi trên hoa sen, trang nghiêm vô lượng, sắc vẽ tươi tắn tinh khiết, ánh hào quang sáng như mặt trời, tay phải cầm trái cây, tay trái làm thế an ủy, dung mạo ôn hòa vui vẻ, ngồi ở phía trước Long cung (cung điện của Rồng) tay nâng hộp báu Trân châu, Bình báu, San hô, mã não, vàng bạc, lưu ly đủ mọi loại báu. Tinh tâm cúng dường, phía bên trên an bày Chư Thiên với mây báu, mưa báu, lưới báu. ĐẠI CÁT TUỞNG THIÊN, tay nâng hoa sen an ủy bên phải. CÁT TUỞNG BẢO CHUỖNG đứng hầu bên trái, hình sắc nghiêm mãn với lưu ly nghiêm thân, tay nâng hoa sen làm tướng an ủy. Tượng TRÌ THẾ được đặt ở nơi có XÁ LỢI (Xá Lợi Xứ) đem nước hương Át Già mọi thứ thức ăn nhỏ nhiệm, hoa an, Tô, dầu, đèn sáng cúng dường. Lại đem diệp hoa, Tô, dầu, hương, đèn, thức ăn uống, mọi loại cúng dường TÂN NA với DẠ CA để hi vọng không có Ma sự (việc chướng ngại, chướng nạn)

Cúng dường xong lại dùng Chiên Đàn, Trầm Thủy với các diệp hương, Tô hương, dầu, đèn, vô lượng cúng dường rồi đối mặt quán tưởng trước tượng Bồ Tát, chí tâm chuyên chú, ngồi ngay thẳng trì tụng. Bắt đầu từ giờ Dần (5h-7h sáng) đi vào trong Đền hoặc 7 ngày hoặc 14 ngày cho đến 1 ngày, đến lúc mặt trời mọc thì cầu nguyện tất ứng thủy đều thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người vào nửa đêm ngâm mình trong nước tụng trì chú này mãn 80 biển thì ngay trong tháng sẽ được mãn ước nguyện.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế ! Nếu có người vào lúc nửa đêm y theo Pháp tụng TRÌ THẾ Bồ Tát, y theo Pháp Khiết Tĩnh thì ở trong 6 tháng ắt được ước nguyện”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người cất dấu tài vật. Sau đó phát tâm y theo pháp tụng thì ắt trì ắt có được tài vật.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người muốn cầu địa vị vẻ vang(vinh vị), ban ngày ngâm mình trong nước tụng trì chú này, đến nửa đêm lại dùng hạt mè mà làm Hộ ma : Lấy 1 hạt, niệm 1 biển rồi 1 lần thiêu đốt cho đến 800 biển ắt được Đại hỷ, phú quý mãn túc”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người đem hạt cải trắng hòa chung với Tô 1 lần niệm lấy 1 hạt rồi 1 lần thiêu đốt. Dựa theo lúc trước tác Pháp cũng làm Pháp Hộ ma thì Nhà Vua được mừng vui, đất nước không có tai họa.”



Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người đem sữa, diệu hương hòa chung với Tô rồi làm Pháp hộ ma. Dựa theo lúc trước tắc Pháp thường hay chặn đứng tất cả tai nạn của Đại Thần.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người nửa đêm chí tâm tụng trì danh hiệu Bồ Tát y theo Pháp hộ tinh thì trong 7 ngày được Đại tài hỷ thành tựu cụ túc.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người vào mồng 1 của tháng Bạch nguyệt bắt đầu tắc pháp thọ trì, Tế giới, ở chỗ chứa Xá Lợi đặt tượng Bồ Tát y theo Pháp cúng dường, ghi nhớ tụng trì, danh hiệu của Bồ Tát, chí tâm cầu nguyện thì Bồ Tát ắt hiện hình biến hóa (hóa hình) ở trước mặt an ủi, được bất thoái chuyển, khởi Bồ Tát hạnh.”

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người ăn uống tinh khiết (Tố thực) hành phạm hạnh, cắt đứt việc ăn thịt uống rượu, ngày đêm hằng tụng sẽ được đại phú quý.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói nghi quỹ này gọi là CĂN BẢN CHÚ. Liền ở trong chúng hội mà nói chú là:

**1. Nặng mô la đất nặng đất la dạ dã. ÁN**

**2. Phộc tô đà ly, tát phộc hạ**

**3. ÁN lạc khất xoa nhĩ bộ đa la nễ**

**4. Phộc tất ninh duệ, tát phộc hạ**

☞ NAMO RATNATRAYÀYA

OM VASU DHÀRE SVÀHÀ

OM LAKṢMI BHÙ TÀRAṆI VASINÌYE SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “Có bao nhiêu ấn Pháp biểu thị cho Tâm Pháp cũng gọi là ngoại biểu (biểu thị bên ngoài). Lúc tác ấn này, đem hai bàn tay chấp lại giữa rộng. Lại đem ngón trở co ngay phần chính giữa, dựng ngón vô danh. Ngón út như tính toán mà tự nhau cài. Hình trạng ngón giữa lượng thẳng như cây kim. Ấn hình này cùng trí ở 8 phương ấy mỗi mỗi cách nhau. Đây là ấn Nghi quỹ của Trì Thế, y theo Pháp kết ấn, tụng Trì minh chú này thì tất cả sự cầu nguyện đều được thành tựu, lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“Án-thất-ly duệ, Thất-ly ca ly, Đẳng năng ca ly, Đa nễ dã ca ly, Tát phộc hạ ”**

☞ OM SRÌYE ‘SRÌ KARE DHÀNA KÀRE DHÀNÀYA KÀRE SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “TAM MUỘI ấn này trước tiên nên chấp hai tay lại, đem ngón cái co vào trong lòng bàn tay. Đây gọi là ấn TAM MUỘI Trì thế.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói chú là:

**“Án- Tam ma duệ Tảo di-duệ Tam ma dã ca ly, ma hạ tam ma duệ, tát-phộc hạ.”**

☞ OM SAMAYE SAUMYE SAMAYA KARE MAHÀ SAMAYE SVÀHÀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo TRÌ THẾ rằng: “Ấn Tam Muội Thân chú này là như vậy.

Lại nữa, Trì Thế! Nên đem ngón trở co ở lóng thứ ba của ngón giữa, dựng ngón cái. Ấn này gọi là ÁN CĂN BẢN của Trì Thế Bồ Tát. Lúc triệu thỉnh Thánh Hiền với lúc đưa tiễn Thánh Hiền thì đều tác ấn này.”

Đức Phật bảo Trì Thế: “Nên đem ngón trở hướng ra bên ngoài duỗi ngang. Đây gọi là HOA ÁN.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ÁN - phộc tô địa tát phộc hạ ”**

☞ OM VASUNI SVÀHÀ

Đức Phật bảo: “Trì Thế! Hoa Ấn, chú này hãy thọ trì như vậy.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo: “Trì Thế! Nếu lại có người nên đem ngón giữa mà đều duỗi ngang. Đây gọi là Hương Ấn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ÁN - Phộc tô đà ly tát phộc hạ”**

☞ OM VASU DHÀRE SVÀHÀ

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú này xong liền bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người đem ngón vô danh hướng ra ngoài mà duỗi. Đây gọi là ĐỒ HƯƠNG ẤN.” Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ÁN – Phộc tô ma để thất ly duệ tát phộc hạ”**

☞ OM VASU MATI ‘SRÌYE SVÀHÀ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cần đem và ngón cái cùng vịn nhau, duỗi ba ngón còn lại như Tam Cổ Kim Cương. Đây gọi là ĐĂNG ẤN. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ÁN - Phộc tô Đà la ni tát phộc hạ”**

☞ OM VASU DHÀRAṆI SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú xong liền bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cần đem hai bàn tay như thế bụm nước, dùng ngón cái giao kết vượt qua phía ngoài của ngón trỏ. Đây gọi là THỰC ẤN.” Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ÁN - Đà la ni Đà la ni tát phộc hạ”**

☞ OM DHÀRAṆI DHÀRAṆI SVÀHÀ

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong, lại bảo Trì Thế rằng: “Các thứ cúng dường còn lại đồng với Ấn Căn bản, chú vào để gia trì. Nếu thường dùng Pháp Thí thời dùng Ấn Chú thường mà gia trì.

Nếu lại có người vẽ sắc vẽ của tượng Trì Thế Bồ Tát thì nên dùng lụa mới mịn tốt không có lỗi tí vết, y theo trầu lượng của Phật, dài khoảng hai tấc. Tượng bên trên vẽ tượng Phật, bên phải là tượng Quan Âm Thánh Tự Tại, bên trái vẽ tượng Kim Cương Thủ. Từ khoảng giữa của tượng Phật là tượng Trì Thế, với hình màu vàng ròng. Tay phải của Bồ Tát làm tướng Thí Nguyện, trang nghiêm bằng mọi thứ trân châu, lưu ly cho đến mã não đều dùng để nghiêm sức.

Ở phía dưới về bên phải vẽ người tụng trì, tay phải đỉnh lễ, tay trái cầm cái mào. Ở trong thán Bạch nguyệt, tô vẽ Bồ Tát ở đây tụng trì 10 vạn biến và tùy sức mà cúng dường.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người muốn trồng lúa ruộng thì người tụng trì tắm gội, mặc quần áo mới thọ trì Tế giới. Dem tượng Bồ Tát đặt ở trong ruộng. Lại dùng hương bột, hoa man, lưu ly, thức ăn uống tế diệu trân trọng cúng dường, niệm tên Bồ Tát đến 800 biến. Lại ở trước tượng gia trì nước thơm, tụng 800 biến xong rót vào Hiền Bình đặt ở trước tượng, khiến người trồng lúa ruộng với con bò, tay trồng thẳng hàng mà đứng. Dùng nước của Hiền Bình rưới vẩy và người tụng trì hiểu quanh đất ruộng này với người cày và con bò đi 7 vòng xong có thể hạ hạt giống.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người muốn gặt hái ruộng, ở 4 góc đất đặt thêm khiến cho ngang bằng, ăn uống như Pháp. Người tụng trì này tắm rửa, mặc quần áo sạch, thọ trì Tế giới. Lại đem Tôn tượng đặt ở trong ruộng. Lại dùng hoa, hương, đèn, đuốc, thức ăn uống, mọi loại cúng dường, tụng chú gia trì mãn 800 biến. Lại gia trì rồi, đem Tôn tượng Bồ Tát ở mặt Đông, dùng hương, bột, tô, dầu, hoa man, thức ăn uống, tinh tâm trong kho đốt mọi diệu hương và đem mọi hoa, nước thơm Át Già, dùng lọng, phướng, Phan với các thứ cúng dường. Lại đem tượng Bồ Tát đặt ở trong kho ... Lại dùng sữa bò rưới vẩy bên trong kho, tụng trì chân ngôn, trừ bỏ các vật rồi mới nhập tài cốc vào thì sẽ tốt lành không có tai họa.

Lại nữa Trì Thế! Nơi kho tàng này đặt bày thức ăn với hương hoa cúng dường, thọ trì đợc tụng Đà la ni này sẽ lìa các tai nạn.

Lại nữa Trì Thế! Nếu lại có người dùng tơ lụa ngũ sắc viết chéo kinh Trì Thế Đà la ni. Lại dùng hương xông ướp, đợc tụng rồi đội lên đầu thì phước tăng vô lượng, chận trừ đợc tai nạn.

Đức Phật bảo Trì Thế! Nếu có người thọ trì. Trước tiên nên tĩnh tâm tụng 800 biến. Một ngày 3 thời tụng Đà la ni này thì ước nguyện sẽ ứng Bồ Tát gia hữu (sẽ gia trì giúp đỡ).

Lại nữa Trì Thế! Nếu lại có người cầu các ước nguyện. Ở ngay mình đứng dừng, hướng về góc Đông Bắc khởi hình tượng Thánh Trì Thế Bồ Tát dùng tơ lụa ngũ sắc y theo tô vẽ cho đến lúc xong việc. Tổ tĩnh an trí, rồi chí tâm cúng dường nước thơm Át Già, hương xoa, hương đốt, Chiên Đàn Trầm thủy, đủ mọi loại hương. Lại dùng 5 loại báu, 5 loại thuốc với 5 loại lúc bỏ vào bình Át Già rồi đặt tơ lụa lên trên, đừng mở cái bình này, y theo Pháp tụng trì Đà la ni này thì tất cả ước nguyện thảy đều mãn túc, tài vật tăng trưởng, đợc phước vô lượng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo: “Trì Thế! Nếu có chúng sinh muốn làm kho lương thì tùy theo lượng lớn nhỏ. Như lúc muốn lấy thì nên dùng bơ, thức ăn cúng dường Tôn tượng y theo Pháp tụng trì Đà la ni này 120 biến mãn túc số này, sau đó mới lấy ra sẽ ngưng trừ mọi nạn.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trì Thế rằng: “Nếu lại có người cầm giữ tiền đi xa, cốt nhục ưu phiền thì nên dùng Bạch Toa (cỏ gấu, củ của nó là vị thuốc Hương Phụ tử, cỏ cây chà xát lấy chất lỏng), Ngũ Hoàng, Uất Kim, Long Não, Đàn Hương, Xạ Hương làm thành nước Át Già, vạch chia nơi thuyền lớn, tĩnh tâm tụng trì Đà la ni này thì người cầm tài vật đi xa ấy sẽ mau chóng theo lối bằng phẳng tốt lành quay về, đồng thời tiền của cũng tăng đợc nhiều hơn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú là:

**“ Đát nễ dã tha, tức lệ tức lệ A nga tha A nga tha bả nga phộc đế”**

☞ TADYATHÀ: ‘SRÌ ‘SRÌ AGACCHA AGACCHA BHAGAVATE

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói chú này xong lại bảo: “ Trì Thế! Đà la ni này nếu hay thọ trì sẽ hay mãn tất cả ước nguyện của hữu tình, ví như Thủy Đại tràn khắp mặt đất. Lại như ánh sáng mặt trời hay phá các ÁM, giống như ánh sáng mặt trăng đem sự trong mát cho vạn vật.”

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói chú là:

1. Đát nễ dã tha đà năng nô
2. Phộc lỗ noa
3. Thất ninh phộc
4. Ẩn nại la
5. Thất ninh phộc
6. Tô đế nhạ sa
7. Ma nỗ
8. Nỗ ma hô
9. Tức đá dã đở
10. Thiết đá đảm
11. Tát na bát la dã tham
12. Dã tha ca lăng
13. Tát điện đở
14. Mãn dát la phá na
15. Nễ hạ

□

1. Đát nễ dã tha

2. **Khư tra khư tra**
3. **Khế chí khế chí**
4. **Cụ trác cụ trác**
5. **Tô lỗ tô lỗ**
6. **Mẫu lô mẫu lô**
7. **Môn tả môn tả**
8. **Nãng ma ly**
9. **Nãng ma ly**
10. **Nê tứ nê tứ**
11. **Nại ba dã**
12. **Nại ba dã**
13. **Bát đất la**
14. **ĐỂ sắt xá đế**
15. **Tứ la nê dã**
16. **Tô phộc la noa**
17. **Bát la nại ba dã**
18. **Sa phộc hạ**
19. **Phộc tô địa**
20. **Sa phộc hạ**
21. **A nậu Đấp hán nãng dã**
22. **Sa phộc hạ**
23. **Phộc hộ địa**
24. **Sa phộc hạ**
25. **Phộc tô đà**
26. **Địa đá duệ**
27. **Sa phộc hạ**
28. **Ngu kiểu**
29. **Sa phộc hạ**
30. **Tô la tị**
31. **Sa phộc hạ**
32. **Ấn nại la dã**
33. **Sa phộc hạ**
34. **Phộc lỗ noa dã**
35. **Sa phộc hạ**
36. **Phệ thất la ma noa dã**
37. **Sa phộc hạ**
38. **Ninh thế tỷ dụ**
39. **Vĩ ninh thế tỷ dước**
40. **Sa phộc hạ**

**Ổ đấp ba nại diễn đồ nhĩ kiếm khất xoa nãng ha A vĩ la ha nãng noa mô nại diễn đồ. ÁN đất tô tứ mê ninh tứ nại nại ba dã Sa phộc hạ.**

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chú này xong, bảo Trì Thế rằng: “Chú này có tên là: Trì Thế Bồ Tát tâm Đà la ni. Nếu có người tinh tâm thọ trì Đà la ni này, ghi nhớ chẳng quên thì hay diệt được tội nặng, được phước vô lượng, xả ly ba ác, viên mãn phú quý. Nơi các ước nguyện không có gì không đầy đủ cho đến cứu cánh thành quả vô thượng.

Lúc ấy trì Thế Bồ Tát với các Thánh chúng nghe điều Đức Phật nói đều vui vẻ vô lượng cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật và tin nhận phụng hành.

THÁNH TRÌ THẾ ĐÀ LA NI KINH  
HẾT

03/02/1997

向 鉏 四 先 四 先 代  
VASUDHÀRA DHÀRAṆÌ  
(TRÌ THẾ ĐÀ LA NI)

Phục hồi và chú thích Phạm Văn: HUYỀN THANH

巧伏 矛丫向包 向忝四先 州丫先 市櫛她伏 凹卡丫出伏

NAMO VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢÀYA TATHÀGATÀYA ( Quy mệnh  
Kim Cương Trì Hải Âm Như Lai)

凹改卡

TADYATHÀ (Như vậy, liền nói Chú là)

渴

OM ( Cảnh giác)

鉏列本 矛治向凸 伐丫匡向凸

SURÙPE (Diệu sắc) BHADRAVATI (Cụ Hiền) MAMGALAVATI (Cụ khánh: đầy đủ sự  
mừng vui tốt đẹp)

挑弋同 挑弋扔同

ACALE (Bất động) ACÀPALE (Không có sự thay đổi)

梁 𠄎 凹市

UDGHÀTANI (Bắt đầu, quuyến rũ, ám chỉ)

梁 𠄎 叨市

UDBHEDANI (Hành động bẻ gãy, dẫn tới phía trước)

屹兩向凸 四滄向凸 四巧向凸

SASYAVATI (Cụ ngũ cốc: đầy đủ ngũ cốc) DHÀDYAVATI (Cụ tài: đầy đủ tiền của)  
DHÀNAVATI (Cụ tài sản: đầy đủ tài sản)

胄互凸 盲矛向凸

‘SRÌMATI (Cát Tường Tuệ) PRABHAVATI (Cụ quang: đầy đủ ánh sáng)

挑互同 合互同 冰冰 鉏冰立 合互同 挑巧凹斫 合叨凹斫

AMALE (Vô cấu: không dơ bẩn) VIMALE (Ly cấu: lìa sự bợn bẩn) RURU (Nội trần và  
ngoại trần: bụi bên trong và bụi bên ngoài) VIMALE (Ly cấu) ANATASTHÌ (Không có gì  
không nhìn) VEDA TASTHÌ (Nhìn theo kiến thức thông tuệ)

合郛了圻

VI'SVA KE'SI (Sự phát sáng xảo diệu)

挑平柰先 挑巧乃同 互乃同

ANUTTARA ANAKULE (Vô thượng an tĩnh) MAKULE (Phát triển)

囚囚 伙

DHIDHI ME ( Tôi suy nghĩ hiểu biết)

鉞鉞 伙

DHUDHU ME (Tôi lay động rung chuyển)

出加共

TÀTURI ( Chinh phục chiến thắng)

出先掙

TÀRA TÀRA (Cứu độ, cứu giúp)

向忝向念

VAJRA VAJRÌ ( Kim cương, có tính như Kim Cương)

挑向痛市 辱矢向 互平絆先

AVARTTANI (Không chuyển) SVABHÀVA MANUSMARA ( Ghi nhớ Tự Tính)

禾 瓠了 凹了掙 向溶仗 市子叨市

BHUNKE (Hưởng thụ) OKE (Nơi trú ngụ che chở) TAKE TAKE (Ôm mang chịu đựng)

VARṢṢI (Cơn mưa) NIṢPÀDANI (Tạo ra, làm thành)

矛丫圳 向忝叻先 州丫先 市櫛寺 凹卡丫凹 互平絆先

BHAGAVAM VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢAM TATHÀGATÀYA  
MANUSMARA (Ghi nhớ Đức Thế Tôn Kim Cương Trì Hải Âm Như Lai)

屹楠 凹卡丫凹 屹忸 互平絆先

SARVA TATHÀGATA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của tất cả Như  
Lai)

叻獲 屹忸 互平絆先

DHARMA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Pháp)

鉦千 屹忸 互平絆先

SAMGHA SATYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự chân thật của Tăng Già)

凹凹掙

TATA TATA (Trước là, cốt nhất, thoát tiên)

翺先掙

PURA PURA (Đầy đủ, đầy đủ)

翺先伏掙

PURAYA PURAYA ( Hãy làm cho đầy)

翺隊掙

PURṢA PURṢA (Làm cho đầy đủ)

屹楠卡 屹楠屹兹觥弋

SARVATHÀ SARVA SATVANÀM CA ( Tất cả chúng sinh ở khắp nơi)

矛先掙 矛先仗

BHARA BHARA BHARAṢI (Hỗ trợ, giúp đỡ, làm bậc trợ giúp)

鉏伐丫匡

SUMAMGALA (Thiện cát khánh : khéo làm cho tốt đẹp)

圭瓠互凸

‘SANTA MATI (Tịch Tĩnh Tuệ )

圪向互凸

‘SIVA MATI (Kính Ái Tuệ)

伐丫匡互凸

MAMGALA MATI (Cát Khánh Tuệ)

盲矢互凸

PRABHÀ MATI (Quang Tuệ)

互扣互凸

MAHÀ MATI (Đại Tuệ)

矛治互凸

BHADRA MATI (Hiền Tuệ)

玅丫戠掙

ÀGACCHA ÀGACCHA (Đừng đi, đừng đi)

屹互伏 互平絆先 送扣

SAMAYA MANUSMARA (Hãy ghi nhớ lời thề của mình) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

挑 四先 互平絆先 送扣

A DHÀRA MANUSMARA (Ghi nhớ sự vô sinh bất diệt) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

盲矢向 互平絆先 送扣

PRABHÀVA MANUSMARA (Ghi nhớ sự Có thắng thượng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

哧丙 互平絆先 送扣

DRḌHA MANUSMARA (Ghi nhớ sự kiên cố bền chắc) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

包介 互平絆先 送扣

TEJA MANUSMARA (Ghi nhớ Uy Đức) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

介伏 互平絆先 送扣

JAYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự Tôn Thắng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

合介伏 互平絆先 送扣

VIJAYA MANUSMARA (Ghi nhớ sự tối thắng) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

宥叨伏 互平絆先送扣

HRDAYA MANUSMARA (Ghi nhớ trong tâm) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

屹楠屹玅 互平絆先送扣

SARVASATVA MANUSMARA (Ghi nhớ tất cả Hữu Tình) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

駭 鉏向鉏四刑 送扣

OM (Quy mệnh) SUVASUDHÀRE (Thiện Trì Thế ) SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn)

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 20/06/2006

Webmaster:[quangduc@tpg.com.au](mailto:quangduc@tpg.com.au)

[Trở về Thư Mục Mật Tông](#)

**Biên tập nội dung: Tỳ kheo Thích Nguyên Tạng**

Xin gửi bài mới và ý kiến đóng góp đến ban biên tập qua địa chỉ: [quangduc@tpg.com.au](mailto:quangduc@tpg.com.au)

Ghi rõ nguồn "**Trang nhà Quảng Đức**" khi bạn phát hành lại thông tin từ website này.



Filename: samplePDF  
Directory: F:\Quangduc\matlong  
Template: Normal.dot  
Title: Mật Tạng Bộ 3 (Tr  
Subject:  
Author: vu tai  
Keywords:  
Comments:  
Creation Date: 10/28/2006 8:18 AM  
Change Number: 6  
Last Saved On: 10/30/2006 6:26 PM  
Last Saved By: ddt  
Total Editing Time: 15 Minutes  
Last Printed On: 10/30/2006 6:27 PM  
As of Last Complete Printing  
Number of Pages: 32  
Number of Words: 13,693 (approx.)  
Number of Characters: 53,678 (approx.)